ĐÔI ĐIỀU SUY NGẪM VỀ HỌC THUYẾT CỦA CÁC MÁC

Lê Đình Tường[*]

Tóm tắt

Học thuyết của Các Mác là một hệ thống tri thức lý luận đồ sộ về nhiều lĩnh vực, trong đó tập trung chủ yếu về kinh tế - chính trị học và triết học. Là một giảng viên có nhiều năm giảng dạy và nghiên cứu môn học "Phương pháp nghiên cứu tình hình kinh tế và thị trường hàng hóa tư bản chủ nghĩa" và sau này là môn học Marketing, bằng những trải nghiệm của mình, tôi nhận thấy những tri thức lý luận trong học thuyết của C. Mác có quan hệ mật thiết với các môn khoa học khác và đem lại những giá trị phương pháp luận quan trọng, nên đã vận dụng chúng để xem xét, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực nghiên cứu của mình. Trong bài viết này, tôi muốn chia sẻ đôi điều suy ngẫm về học thuyết của C. Mác trong ba vấn đề cốt lõi của Marketing cũng như việc ứng dụng học thuyết của ông để nghiên cứu những lĩnh vực khoa học khác.

Từ khóa: *Học thuyết của C. Mác, marketing, nhu cầu, trao đổi, thị trường, nguyên lý, quy luật, phạm trù.*

Mã số: 227. Ngày nhận bài: 08/01/2016. Ngày hoàn thành biên tập: 24/02/2016. Ngày duyệt đăng: 15/03/2016.

Abstract

Karl Marx's theory is a large knowledge system about many fields that focuses mainly on political economy and philosophy. As a lecturer has many years of teaching experiences and research on the course "Research methodology in economic status and commodity market in capitalism" and then the Marketing Course, from my experiences; I realized that the theoretical knowledge in Marxist theory have a very close relationship with other scientific courses and bring the values of important methodology; So I should have applied them to consider and explain the problems of my field of study. In this article, I want to share my thoughts about Karl Marx's theory in 3 core issues of Marketing as well as application of his theory to study of other scientific fields.

Key words: *Karl Marx's theory, Marketing, demands, exchange, market, principles, rules, category.*

Paper No.227. Date of receipt: 08/01/2016. Date of revision: 24/02/2016. Date of approval: 15/03/2016.

1. Học thuyết của Các Mác trong ba vấn đề cốt lõi của Marketing

Các Mác sinh ngày 5/5/1818 và mất ngày 14/3/1883. Bởi vậy sẽ có người cho rằng: Thời đại C. Mác làm gì đã có Marketing mà người viết lại đề cập đến vấn đề này? Đúng vậy, Marketing mới chỉ xuất hiện vào đầu thế kỷ XX của thiên niên kỷ trước (khoảng vào năm 1920 gì đó), trước hết ở Hoa Kỳ sau đó phát triển rất nhanh chóng đến các nước phát triển khác. Vậy học thuyết của C. Mác có liên quan gì đến Marketing? Nghiên cứu học thuyết kinh tế của C. Mác, ta biết rằng:

C. Mác nghiên cứu xã hội tư bản bắt đầu từ một tế bào giản đơn nhất của nó - *hàng hóa*, vật phẩm để thỏa mãn nhu cầu của con người. C. Mác đã phát hiện ra hàng hóa có giá trị và giá trị sử dụng. Ông chỉ ra rằng, giá trị sử dụng

[*] PGS,TS, Trường Đại học Ngoại thương, email: ledinhtuongftu@yahoo.com.vn.

là do lao động cụ thể (lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của những nghề nghiệp chuyên môn nhất định) tạo ra, còn giá trị là do lao động trừu tượng (sự hao phí thể lực và trí lực nói chung của người lao động mà không xét đến các hình thức cụ thể của lao động) tạo ra. Về giá trị sử dụng, C. Mác đã viết: "Người ta mua hàng hóa vì nó có giá trị sử dụng để thỏa mãn một nhu cầu nhất định"[1]. Thế mà, **nhu cầu** của con người lại là vấn đề cốt lõi, cội nguồn của Marketing.

Một câu hỏi khác có thể được đặt ra là: Vì sao khi nghiên cứu xã hội tư bản C. Mác lại sử dụng khái niệm *hàng hóa* chứ không sử dụng khái niệm *sản phẩm?*. Rõ ràng có sự khác biệt giữa hai khái niệm này mà bất kỳ ai muốn nghiên cứu kinh tế cũng cần phải phân biệt. Sản phẩm là khái niệm để chỉ một vật phẩm do lao động cụ thể tạo ra, nhằm thỏa mãn một nhu cầu nhất định của con người, nhưng nó vẫn còn ở trong khâu sản xuất - một trong ba khâu của quá trình tái sản xuất (sản xuất - lưu thông - tiêu dùng). Còn hàng hóa là khi sản phẩm đã được đưa vào lưu thông để thực hiện việc trao đổi nhằm thỏa mãn nhu cầu. Vấn đề **trao đổi** là vấn đề cốt lõi thứ hai trong lý thuyết Marketing. Các nhà nghiên cứu Marketing khẳng định rằng, chỉ khi nào nhu cầu được thỏa mãn thông qua trao đổi thì mới được gọi là Marketing. Chính trong quá trình trao đổi C. Mác đã phát hiện ra giá trị trao đổi (giá trị thị trường) của hàng hóa. Giá trị trao đổi giải thích vì sao một cái rìu lại đổi được 5 cân thóc, mà không phải là 6 hay 7 cân? Nguyên lý trao đổi trong học thuyết C. Mác là *trao đổi ngang giá* (cùng một lượng giá trị). Vì giá trị sử dụng mang giá trị nên giá trị trao đổi thể hiện sự tương quan giữa giá trị của cái rìu và giá trị của 5 cân thóc (cùng một lượng thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra số lượng 2 loại vật phẩm ấy) và khi giá trị trao đổi được thể hiện bằng tiền thì đó là giá cả của hàng hóa. Rõ ràng, đây là nguyên lý trao đổi phổ biến trong giai đoạn cạnh tranh tự do của chủ nghĩa tư bản. Khi chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh càng chuyển sâu sang chủ nghĩa tư bản độc quyền thì nguyên lý trao đổi ngang giá trong trình độ xã hội phát triển thấp và trao đổi theo đúng giá cả sản xuất ở xã hội phát triển cao của C. Mác càng bị sự bóp méo thô bạo qua sự can thiệp của con người, nhất là khi các tập đoàn kinh tế thống trị nền kinh tế thế giới. Ta có thể thấy các loại giá như: giá hớt váng (skimming Pricing), giá tấn công (penetration pricing) và cả loại hình ma mãnh của hình thái giá –"chuyển giá (transfer pricing)" trong marketing là những ví dụ điển hình.

Việc trao đổi được diễn ra phổ biến trên thị trường, khi có sự tham gia của tiền tệ làm vật trung gian. **Thị trường** là vấn đề cốt lõi thứ ba trong Marketing, theo quan điểm của người viết bài này. Trong xã hội tư bản, C. Mác (trong thư gửi Ph. Ăngghen, ngày 6/7/1863) đã phân chia toàn bộ hàng hóa trên thị trường thành hai loại: tư liệu tiêu dùng và tư liệu sản xuất, đồng thời chỉ ra sự thống nhất giữa hai thị trường ấy: "Suy cho đến cùng thì toàn bộ hoạt động sản xuất của xã hội là do nhu cầu tiêu dùng cá nhân quyết định"[2]. Tương tự, nhà nghiên cứu marketing người Mỹ - Philip Kotler - cũng cho rằng, phát triển của thị trường tiêu dùng

[1] C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, tập 23, Nxb Tư tưởng , M., tr. 387, (bản tiếng Nga).
[2] Dẫn theo F. G. Pítscoppen, Cơ sở lý luận nghiên cứu tình hình kinh tế tư bản chủ nghĩa, Nxb IMO, M., 1960 (bản tiếng Nga).

quyết định sự phát triển của thị trường doanh nghiệp.

Từ những vấn đề cốt lõi trên, Marketing đã phát triển thêm nhiều khía cạnh khác để thành một lĩnh vực hoàn chỉnh. Chẳng hạn như từ vấn đề nhu cầu, người ta đi sâu vào các thang bậc của nhu cầu từ thấp đến cao. Từ vấn đề trao đổi sản phẩm - hàng hóa, người ta tìm ra các chiến lược sản phẩm, thương hiệu, các kênh phân phối, chiến lược giá, hay từ vấn đề thị trường người ta định ra những tiêu thức phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu,v.v.. Như vậy có thể thấy rằng, dù Marketing ra đời rất lâu sau học thuyết của C. Mác nhưng ta vẫn tìm thấy những khái niệm đồng nhất. Điều đó cũng có nghĩa là các lĩnh vực khoa học đều có sự kế thừa lẫn nhau và phát triển, chứ không mang tính phủ định hoàn toàn. Ví như Logistics là một lĩnh vực ra đời sau Marketing nhưng người ta cũng thấy bóng dáng Marketing trong đó. Đó là vì sự ra đời của cái mới cũng như sự phát triển không bao giờ từ hư vô, mà từ cái đã có, đang có. Vấn đề là người ta có tìm ra những yếu tố hợp lý, có giá trị trong những cái đã có và đang có để làm tiền đề thúc đẩy sự ra đời của cái mới tiến bộ và rút ngắn sự phát triển hay không. Vì thế, sẽ là sai lầm, phi khoa học nếu trong nhận thức và thực tiễn người ta lại xem xét vấn đề một cách phiến diện, cực đoan, phủ định sạch trơn. Điều này càng tồi tệ hơn nếu xảy ra trong nhận thức khoa học.

2. Những nguyên lý, quy luật, phạm trù trong triết học C. Mác - kiến thức nền để nghiên cứu những lĩnh vực khoa học khác

Triết học của C. Mác và Ph. Ăngghen (sau này được V. I. Lênin bổ sung, phát triển), bao gồm nhiều nội dung nhưng trước hết phải kể đến Chủ nghĩa duy vật biện chứng (phần này nghiên cứu cả về tự nhiên, xã hội và tư duy). Đó là hệ thống các nguyên lý, quy luật và phạm trù, đem lại thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng trong nhận thức và hành động. Nó vũ trang cho các nhà khoa học ở tất cả các ngành tri thức một lý luận hoàn chỉnh và triệt để khoa học để tư duy, một phương pháp luận phổ biến để nghiên cứu. Ph. Ăngghen cũng đã viết trong tác phẩm " Phép biện chứng của tự nhiên", rằng: "Chính phép biện chứng mới là phương pháp giải thích những quá trình phát triển xảy ra trong giới tự nhiên, những bước quá độ từ lĩnh vực nghiên cứu này sang lĩnh vực nghiên cứu khác"[3], dẫn đến việc ra đời những ngành khoa học khác nhau, trong đó có ngành khoa học công nghệ thông tin, để cho ai đó giờ đây có thể viết bình luận trên tài khoản facebook của mình rằng "*Chủ nghĩa duy vật biện chứng có cái gì mà người ta cứ nhai mãi thế*". Đúng là, cái ta biết chỉ là hữu hạn, còn cái ta chưa biết là vô hạn!

Chưa cần nói đến những nguyên lý, quy luật của Chủ nghĩa duy vật biện chứng, mà chỉ cần xem xét các phạm trù trong đó cũng thấy rõ vai trò quan trọng của nó như thế nào đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn. Những phạm trù triết học trong Chủ nghĩ duy vật biện chứng là những khái niệm chung nhất được áp dụng trong bất cứ khoa học nào. Không có nhà khoa học tự nhiên, nhà sử học, nhà kinh tế học, nhà nghiên cứu văn học,… nào lại có thể không cần đến những khái niệm chung nhất như: vật chất, vận động, không gian, thời gian, tư duy, quy luật, tính quy luật, mâu thuẫn, lượng, chất, bản chất, hiện tượng, nguyên nhân, kết quả, cái chung, cái riêng, đơn nhất, phổ biến, tất nhiên, ngẫu nhiên, khả năng, hiện thực, thực tiễn, v.v.. Và những

[3] Nguyên lý triết học Mácxit – Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Nxb Sự thật, H.,1962, tr.47

nguyên tắc phương pháp luận mà Chủ nghĩa duy vật biện chứng đưa ra đều được vận dụng một cách tự giác hoặc tự phát ở những mức độ khác nhau trong hoạt động nhận thức và thực tiễn. Đó là: *Nguyên tắc khách quan* (yêu cầu phải xem xét sự vật một cách khách quan, nghĩa là phải phản ánh đúng sự vật như nó đang tồn tại trên thực tế; chống chủ quan, duy ý chí); *Nguyên tắc toàn diện* (yêu cầu xem xét sự vật trong tính toàn diện, chỉnh thể, nghĩa là phải xem xét tất cả các mặt, các mối liên hệ, tìm ra các mặt cơ bản, các mối liên hệ bản chất để nhận thức đúng sự vật; chống cực đoan, phiến diện); *Nguyên tắc phát triển* (yêu cầu phải xem xét sự vật trong sự vận động và phát triển; chống bảo thủ, trì trệ, giáo điều); *Nguyên tắc lịch sử - cụ thể* (yêu cầu xem xét sự vật trong tính lịch sử và tính cụ thể, nghĩa là phải nhìn nhận sự vật trong những điều kiện, hoàn cảnh, môi trường ở thời gian và không gian cụ thể; chống giáo điều, phiến diện, chủ nghĩa hư vô và bệnh chung chung trừu tượng); *Nguyên tắc thực tiễn* (yêu cầu xem xét sự vật phải gắn với tình hình thực tiễn, coi trọng thực tiễn, dùng thực tiễn để kiểm tra nhận thức; chống chủ quan, duy ý chí, giáo điều, kinh viện, xa rời thực tế). Trong nghiên cứu khoa học, để đạt được kết quả tin cậy, phản ánh đúng bản chất của vấn đề, ngoài việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp, dù muốn hay không người ta đều chịu sự định hướng theo những cách khác nhau của các nguyên tắc phương pháp luận nói trên. Không thể có một kết quả nghiên cứu đúng nếu người nghiên cứu lại không khách quan mà chủ quan hóa, phiến diện, không bám sát sự vận động của đối tượng nghiên cứu, không đặt vấn đề nghiên cứu trong không gian, thời gian cụ thể với những điều kiện, hoàn cảnh, môi trường xác định, không gắn với thực trạng, thực tiễn của vấn đề. Vì thế, các nguyên tắc phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng trở thành phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn (phương pháp luận chứ không phải phương pháp, phải nói: Nghiên cứu này sử dụng "phương pháp luận duy vật biện chứng", chứ không phải sử dụng "phương pháp duy vật biện chứng"). Sự thật là vậy, chỉ có điều người ta có nhận ra và thừa nhận điều đó hay không mà thôi!

Về phần mình, trong quá trình giảng dạy môn học "Phương pháp nghiên cứu tình hình kinh tế và thị trường hàng hóa tư bản chủ nghĩa", từ năm 1967-1991 ở Trường Đại học Ngoại thương, bằng những trải nghiệm của chính bản thân, người viết đã nhận thức được hết sức sâu sắc những điều khẳng định trên và đã vận dụng những kiến thức từ những phạm trù trong Triết học Mác - Lênin để xem xét, lý giải những vấn đề thuộc lĩnh vực nghiên cứu của mình. Trong bài viết này xin nêu một số trường hợp về việc vận dụng ấy.

*** Về mối quan hệ giữa bản chất và hiên tượng**

Có thể khẳng định rằng, không quá nhiều người có thể đưa ra khái niệm đầy đủ về tình hình kinh tế (Economic conjuncture) mặc dù trong cuộc sống người ta vẫn thường nghe, nói, đọc và viết cụm từ này. Những nhà nghiên cứu về tình hình kinh tế đã đưa ra khái niệm: *tình hình kinh tế đó là trạng thái tổng hợp của nền kinh tế ở một thời điểm hay một giai đoạn nhất định*. Về trạng thái tổng hợp của nền kinh tế, không nên hiểu là số cộng đơn thuần tình hình của tất cả các bộ phận cấu thành nền kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp, tài chính, thương mại, giao thông vận tải,…và cả tình hình đời sống của người lao động - tình hình thất nghiệp, mà là sự sàng lọc tình hình ở mỗi bộ phận khác nhau của nền kinh tế qua sự tương tác của nhiều nhân tố khác nhau. Cũng có thể dùng hình ảnh bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế cho khái niệm này. Điều đặc biệt

là bức tranh toàn cảnh ấy không phải được vẽ bằng những màu sắc thể hiện những gam màu khác nhau, mà được vẽ bằng những chỉ tiêu kinh tế, thể hiện mặt *lượng* của tình hình. Tức là các chỉ tiêu kinh tế ấy phản ánh những biến động của các bộ phận cấu thành nền kinh tế. Ví dụ, tình hình tăng giảm của GDP, của sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, giao thông vận tải, … ở một thời điểm nhất định (thời gian gần nhất khi tiến hành nghiên cứu) hay một giai đoạn nhất định (một khoảng thời gian nhất định : 1,2,3…năm).

Quan sát tình kinh tế tư bản chủ nghĩa (TBCN) người ta thấy nó luôn biến động, và câu hỏi đặt ra là: Cái gì ẩn náu đằng sau những biến động ấy và quyết định sự biến động của tình hình kinh tế? Các nhà nghiên cứu về tình hình kinh tế và thị trường hàng hóa đã chỉ ra rằng sự biến động của tình hình kinh tế TBCN có mối quan hệ đến sự vận động của quá trình tái sản xuất TBCN. Đó là *mối quan hệ giữa hiện tượng và bản chất* (một cặp phạm trù trong triết học). Bản chất ở đây chính là sự vận động của quá trình tái sản xuất TBCN và được phản ánh ra hiện tượng vận động bên ngoài của nó là những biến động về mặt lượng của các chỉ tiêu kinh tế. Khi chúng ta nói một nền kinh tế đang ở vào giai đoạn khủng hoảng hay hưng thịnh tức là chúng ta đã căn cứ vào thực trạng các chỉ tiêu kinh tế phản ảnh các thời kỳ đó, chúng ta đã đi từ hiện tượng để tìm ra bản chất của vấn đề. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu tình hình kinh tế cũng lưu ý mọi người rằng mối quan hệ giữa tình hình kinh tế và tái sản xuất TBCN không phải lúc nào cũng phù hợp với nhau vì như C. Mác đã nói: "Nếu hiện tượng và bản chất luôn phù hợp với nhau thì mọi khoa học trở nên thừa".[4] Như vậy, giữa tình hình kinh tế và tái sản xuất TBCN có những lúc không thống nhất với nhau, tức là hiện tượng không phù hợp với bản chất – điều đã được đề cập trong cặp phạm trù bản chất và hiện tượng của triết học.

Đúng vậy. quan sát tình hình kinh tế ta thấy có những lúc quá trình tái sản xuất TBCN ở vào giai đoạn khủng hoảng của chu kỳ kinh tế, nhưng những chỉ tiêu của tình hình kinh tế lại phản ánh trái ngược, chẳng hạn sản xuất công nghiệp có thể vẫn tăng lên và con số thất nghiệp có thể giảm xuống và ngược lại khi tái sản xuất ở vào giai đoạn hưng thịnh thì lại có những chỉ tiêu kinh tế suy giảm. Tại sao lại có sự khác nhau ấy? Vấn đề là ở chỗ, tình hình kinh tế ngoài chịu sự tác động chủ yếu là sự vận động của quá trình tái sản xuất TBCN, trong từng giai đoạn nhất định còn chịu tác động của rất nhiều các loại nhân tố khác (một quả được tạo thành bởi nhiều nhân - cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả trong triết học). Chính các nhân tố này đã tạo nên đặc điểm của tình hình kinh tế ở thời điểm hay giai đoạn đó.

Các nhà nghiên cứu tình hình kinh tế chung và tình hình các thị trường hàng hóa (conjuncture of commodity markets) đã chia các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình kinh tế chung làm 3 loại: nhân tố chu kỳ (tức quá trình tái sản xuất), nhân tố tình hình (có rất nhiều) và nhân tố thời vụ. Hay cũng có thể chia thành: các nhân tố tác động lâu dài, các nhân tố tác động tạm thời và nhân tố thời vụ. Nhân tố chu kỳ quyết định sự vận động mang tính quy luật của tình hinh kinh tế chung, nhân tố tình hình có rất nhiều và rất đa dạng, tạo nên đặc điểm của tình hình. Ví dụ như, khi tình hình kinh tế chung phản ánh giai đoạn tiêu điều của chu kỳ kinh tế, nhưng do tác

[4] Nguyên lý triết học Mácxit – Chủ nghĩa duy vật bện chứng, Nxb Sự thật, H., 1962, tr. 523.

động của nhân tố tình hình, chẳng hạn như chính sách đầu tư của nhà nước vào những ngành công nghiệp nhất định, đã có tác dụng rút ngắn giai đoạn tiêu điều để chuyển nhanh sang giai đoạn phục hồi. Còn nhân tố thời vụ, về mặt thời gian nó có tính chu kỳ, tức là hàng năm cứ vào thời điểm nhất định nó lại xuất hiện và tác động đến tình hình kinh tế chung, như đối với chỉ tiêu về sản lượng nông nghiệp của tình hình kinh tế chung, hàng năm cứ vào vụ thu hoạch thì chỉ tiêu này tăng lên, hay vào những tháng nhất định thì thường xảy ra bão lụt ,v.v.. Như vậy, ở đây đã vận dụng *nguyên tắc toàn diện* – một trong những nguyên tắc phương pháp luận của Chủ nghĩ duy vật biện chứng để nghiên cứu.

Mối quan hệ giữa hiện tượng và bản chất trong Triết học Mác - Lênin cũng được vận dụng để xem xét các phạm trù kinh tế khác như vấn đề tiền lương trong chế độ TBCN. Về *hiện tượng,* tiền lương là giá cả của lao động, nhưng *bản chất* của tiền lương là giá cả của sức lao động, hay bản chất sự biến động của giá cả trên thị trường là do quy luật giá trị là bản chất quyết định.

*** Về phạm trù sự vận động của vật chất, tính lôgic và lịch sử**

Những phạm trù này đã giúp cho các nhà nghiên cứu về tình hình kinh tế xây dựng phương pháp nghiên cứu của mình là:

- Phải nghiên cứu tình hình kinh tế trong trạng thái vận động của nó. Tinh hình ngày hôm nay không giống với ngày hôm qua và cũng sẽ khác với ngày mai. Ph. Ăngghen đã viết "…Chỉ có một mình sự vận động là có ý nghĩa tuyệt đối phổ biến".[5]

- Khi xem xét các chu kỳ kinh tế thì phải xét đến những điều kiện lịch sử cụ thể trong tồn tại của các chu kỳ ấy. Chẳng hạn, khi xem xét các chu kỳ kinh tế trước chiến tranh thế giới lần thứ hai ta thấy chúng thường có độ dài trên dưới 10 năm và sự thể hiện của các giai đoạn trong chu kỳ rất rõ rệt. Nhưng các chu kỳ từ sau chiến tranh thế giới II thì lại có xu hướng rút ngắn, thường dưới 10 năm, thậm chí chỉ còn 4 đến 5 năm. Có chu kỳ giai đoạn tiêu điều rút ngắn đến mức có người cho rằng không còn giai đoạn này trong chu kỳ nữa. Khủng hoảng sản xuất thừa là biểu hiện trực tiếp nhất mâu thuẫn giữa cung và cầu. Trong các chu kỳ trước chiến tranh người ta thấy rõ sự dư thừa ấy và đã dùng những biện pháp cưỡng bức tạo ra sự thích ứng cung cầu, bằng cách tiêu hủy các sản phẩm đã được sản xuất ra. Nhưng trong các chu kỳ sau chiến tranh thế giới người ta không thấy hiện tượng dư thừa như thế nữa. Nhờ những tiến bộ của khoa học - kỹ thuật, người ta đã tính toán rất chính xác nhu cầu tiêu dùng để sản xuất. Vậy có còn sản xuất thừa trong các chu kỳ từ sau chiến tranh thế giới II nữa không? Vẫn có. Sản xuất thừa này được biểu hiện trong sự dư thừa công suất máy móc, thiết bị. Ngoài ra, các chu kỳ sau chiến tranh thế giới II còn có các cuộc khủng hoảng thiếu, thể hiện sự hỗn loạn xảy ra trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế, như khủng hoảng về năng lượng, khủng hoảng về nguyên liệu, khủng hoảng về môi trường, những cuộc khủng hoảng này đã xảy ra trong chu kỳ kinh tế thế giới TBCN 1971-1975. Đặc điểm của các cuộc khủng hoảng này là không có tính chất chu kỳ và các cuộc khủng hoảng này lại tạo ra những mối quan hệ nhân quả khác nhau đối với nền kinh tế của các nước.

Trong những điều kiện lịch sử cụ thể, một số nhân tố sẽ không tồn tại khi chúng không còn ảnh hưởng đến tình hình kinh tế. Đồng

[5] Nguyên lý triết học Mácxit – Chủ nghĩa duy vật biện chứng,, Nxb Sự thật, H.,1962, tr.354.

thời, cũng xuất hiện những nhân tố mới quyết định đặc điểm của tình hình kinh tế lúc đó. Ví như, vào thời kỳ diễn ra chu kỳ kinh tế 1971-1975, khi ấy người ta không thể cứ lấy ảnh hưởng của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ II để đánh giá tình hình kinh tế của những nước tư bản phát triển chủ yếu, những nhân tố mới quyết định đặc điểm tình hình kinh tế của các nước ấy lúc bấy giờ là các cuộc khủng hoảng về năng lượng, khủng hoảng về nguyên liệu và khủng hoảng về môi trường. Vậy là, một trong những nguyên tắc phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng, đó là *nguyên tắc lịch sử - cụ thể* cũng đã được vận dụng để nghiên cứu các vấn đề của môn học.

*** Về cái đơn nhất, đặc thù và phổ biến, mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng**

Như ở phần trên đã nói tới sự tồn tại của môn học "Phương pháp nghiên cứu tình hình kinh tế và thị trường hàng hóa TBCN". Tức là lĩnh vực nghiên cứu này gồm hai phần: Nghiên cứu tình hình kinh tế chung và nghiên cứu tình hình các thị trường hàng hóa. Các nhà nghiên cứu thuộc lĩnh vực này đã nhận thấy mối quan hệ giữa hai phần là mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng – một cặp phạm trù trong Triết học Mác - Lênin. Tình hình kinh tế chung là cái chung, tình hình các thị trường hàng hóa là cái riêng, mà cái riêng lại tồn tại trong mối quan hệ với cái chung, không có cái riêng nào tồn tại tách rời cái chung (cặp phạm trù cái chung và cái riêng trong triết học đã đề cập). Vì vậy, khi nghiên cứu tình hình các thị trường hàng hóa phải đặc biệt chú ý đến mối quan hệ đó, V.I. Lênin đã chỉ ra trong tác phẩm " Bút ký triết học" rằng: "Bất kể cái chung nào cũng chỉ bao quát gần hết tất cả những sự vật riêng. Bất cứ cái riêng nào cũng không gia nhập hết vào cái chung…Bất cứ cái riêng nào cũng có liên hệ với những cái riêng (những sự vật, những hiện tượng, những quá trình) loại khác bằng hàng nghìn bước quá độ"[6].

Khi phân tích vấn đề đạo đức và văn hóa trong kinh doanh, nhiều người đã không thấy mối quan hệ này. Ví dụ, người ta cho rằng đạo đức trong kinh doanh là cái gì đó riêng biệt, không liên quan gì đến đạo đức mang tính xã hội - một phạm trù của Triết học Mác - Lênin, là những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực nhằm điều chỉnh hành vi đối xử giữa người với người trong xã hội, giữa cá nhân với tập thể, với gia đình, bạn bè, … và để đánh giá những hành vi ấy, đạo đức xã hội sử dụng những phạm trù: thiện, ác, tốt, xấu, vinh dự, nghĩa vụ, lương tâm, v.v.. Đạo đức xã hội chính là cái chung, cần thiết phải có với bất kỳ ai, với trình độ học vấn nào. Còn đạo đức kinh doanh là cái riêng, mang tính nghề nghiệp cần phải có, chẳng hạn như ngành dịch vụ y tế người ta nêu y đức của người thầy thuốc là "Lương y như từ mẫu", trong lĩnh vực kinh doanh hàng hóa người ta đề cao sự trung thực. Chẳng phải trong ca dao của dân tộc ta đã từng có những câu phê phán hành vi gian lận trong thương mại như: " Thật thà như thể lái trâu", hay "đếm cá con" (người bán cá con giống đếm: hai mươi, hai mốt, con này tốt, tám mốt, tám hai). Ngày nay có người cho rằng kinh doanh đúng pháp luật là có đạo đức. Điều đó là đúng nhưng chưa đủ, bởi đạo đức cao hơn pháp luật ở chỗ: Pháp luật do nhà nước đặt ra và bắt buộc mọi người phải theo, còn đạo đức là xuất phát từ nền tảng giá trị chung của xã hội, của tập quán, của truyền thống, của giáo dục và được thực hiện một cách tự nguyện với sự kiểm soát của lương tâm. Có một câu danh ngôn rất hay là: "Pháp luật là hàng rào ngăn con người với nhà tù. Đạo đức là tấm vải che không cho con người thấy nhà tù" (khuyết danh).

Về văn hóa kinh doanh, cũng có người cho

rằng văn hóa kinh doanh mang tính đặc thù, nhất là văn hóa doanh nghiệp, nó thể hiện "cái hồn" của doanh nghiệp,"cá tính" và "bản sắc" của doanh nghiệp. Nhưng họ quên rằng những cái đó, tuy đều đúng, nhưng cũng đều bắt nguồn từ cái chung là văn hóa dân tộc. Không phải ngẫu nhiên mà trong lĩnh vực nghiên cứu Marketing quốc tế có cả một nội dung về môi trường văn hóa dân tộc để giúp các doanh nghiệp thích ứng trong hoạt động kinh doanh quốc tế của mình.

Trên đây chỉ là một số ví dụ về việc vận dụng kiến thức của Chủ nghĩa duy vật biện chứng trong Triết học Mác - Lênin vào việc nghiên cứu các vấn đề thuộc nội dung môn học chuyên ngành mà bản thân đã thực hiện. Đọc và suy ngẫm sẽ thấy, các nguyên lý, quy luật, phạm trù trong Chủ nghĩa duy vật biện chứng thực sự là kiến thức nền, đem lại phương pháp luận cho việc nghiên cứu các lĩnh vực khoa học khác. Nhưng triết học là môn khoa học có đối tượng nghiên cứu rộng nhất (nghiên cứu cả về tự nhiên, xã hội và tư duy), nên tri thức triết học có tính khái quát và trừu tượng cao. Có lẽ cũng vì thế mà khi bắt đầu học môn Triết học Mác - Lênin, không ít sinh viên cho rằng môn học này nội dung khô cứng, người học mang tâm trạng bất đắc dĩ. Nhưng khi học đến những môn chuyên ngành, họ mới thấy hết ý nghĩa nền tảng của những kiến thức từ những nguyên lý, quy luật, phạm trù triết học, điều rất cần thiết giúp họ tiếp thu sâu sắc hơn các môn học chuyên ngành. Nhất là sau khi ra trường phải va đập với thực tiễn, với cuộc sống, họ sẽ càng thấm thía hơn ý nghĩa của những kiến thức triết học đó, nó cần thiết cho họ tựa như bản cửu chương trong suốt cả cuộc đời.

Thay cho lời kết

Phil Gasper đã viết: "Những vấn đề về toàn cầu hóa, bất bình đẳng, tham nhũng chính trị, chủ nghĩa độc quyền, tiến bộ công nghệ,… Đó là những vấn đề các nhà kinh tế hiện nay đang phải đối mặt, mà đôi khi họ không nhìn ra rằng mình đang đi theo con đường của C. Mác"[7]. Và chẳng riêng gì Phil Gasper, ngay Thomas L. Friedman cũng lấy làm kinh ngạc khi đọc "*Tuyên ngôn của Đảng cộng sản"* đã thấy: " Sự mô tả chi tiết và sâu sắc của C. Mác về các nhân tố làm phẳng thế giới vào thời kỳ hưng thịnh của cách mạng công nghiệp, cũng như khả năng dự đoán siêu phàm của ông về việc các lực lượng này sẽ tiếp tục làm phẳng thế giới cho đến ngày nay"[8].❑

Tài liệu tham khảo

1. Báo Tuổi trẻ, ngày 28/11/2005.
2. C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, tập 23, Nxb Tư tưởng, M., (bản tiếng Nga).
3. Nguyên lý triết học Mácxit – Chủ nghĩa duy vật biện chứng, 1962, Nxb Sự thật, H.
4. F. G. Pítscoppen, 1960, *Cơ sở lý luận nghiên cứu tình hình kinh tế tư bản chủ nghĩa*, Nxb IMO, M, bản tiếng Nga.
5. Thomas L. Friedan, 2006, *Thế giới phẳng*, Nxb Trẻ, Tp HCM.

[7] N Notre Phil Gasper - Giáo sư triết học, Đại học dam de Namur, California (Báo "Tuổi trẻ" 28/11/2005).
[8] Thomas L. Friedan, Thế giới phẳng, Nxb Trẻ,Tp HCM, 2006, tr. 350./.